

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1266/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số
giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 112/TTr-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Văn bản số 4660/BKHCN-CĐSQG ngày 29 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là một trong những động lực đột phá quan trọng hàng đầu để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; góp phần đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Chuyển đổi số quốc gia là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội; được triển khai trên tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn và mọi mặt đời sống và hoạt động của người dân, doanh nghiệp. Chuyển đổi số phải được thực hiện toàn diện, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau; góp phần tạo cơ hội phát triển bình đẳng, nâng cao năng lực tiếp cận và thụ hưởng các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của mọi người dân, doanh nghiệp.

3. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và đối tượng thụ hưởng chính của quá trình chuyển đổi số. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý, dẫn dắt, thúc đẩy, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số; đồng thời là khách hàng, thị trường và động lực quan trọng thúc đẩy phát triển hệ sinh thái số quốc gia.

4. Thể chế số, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là các trụ cột cốt lõi của chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, thể chế số phải đi trước một bước; hạ tầng số phải hiện đại, đồng bộ; dữ liệu số là tài nguyên chiến lược; nền tảng số dùng chung là công cụ triển khai thống nhất; nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ và giải quyết các bài toán lớn của quốc gia.

5. Chuyển đổi số phải gắn với tự chủ, tự cường về công nghệ; bảo đảm chủ quyền số quốc gia, chủ quyền dữ liệu, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước.

6. Hợp tác quốc tế về chuyển đổi số phải được triển khai chủ động, thực chất, hiệu quả, có chọn lọc, gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc; ưu tiên hợp tác nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và làm chủ công nghệ số tiên tiến, công nghệ số thuộc Danh mục công nghệ chiến lược; đồng thời mở rộng thị trường,

tăng cường kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam với khu vực và thế giới.

II. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU

1. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam trở thành quốc gia số phát triển, thịnh vượng, an toàn, nhân văn; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đồng bộ, sâu rộng và bao trùm, trở thành phương thức phát triển chủ đạo, động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, đồng thời là đối tượng thụ hưởng chính của quá trình chuyển đổi số. Việt Nam có nền quản trị quốc gia hiện đại, dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI); làm chủ các công nghệ số, nền tảng số và sản phẩm số chiến lược; bảo đảm vững chắc chủ quyền số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

+ 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

+ 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ 100% bộ, ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

+ 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

+ 100% cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.

+ 100% trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.

+ 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

+ 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.

+ 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.

+ Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới về chính phủ điện tử/chính phủ số (theo báo cáo đánh giá của Liên hợp quốc).

- Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

+ Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP.

+ Hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

+ Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm, bảo đảm an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%.

+ Phân đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP.

+ Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

- Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân:

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

+ Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

+ Phân đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

b) Mục tiêu đến năm 2045

+ Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về chính phủ điện tử/chính phủ số (theo báo cáo đánh giá của Liên hợp quốc).

+ Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế số

Hoàn thiện đồng bộ thể chế số, bảo đảm thể chế đi trước một bước, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ số, dữ liệu số và AI; đưa chuyển đổi số trở thành động lực đột phá quan trọng hàng đầu để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, AI, tài sản số, kinh tế dữ liệu, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh mới trên môi trường số. Thể chế số phải đáp ứng đồng thời yêu cầu phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số.

b) Hoàn thiện cơ chế pháp lý để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục hành chính đủ điều kiện; tăng dần tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến; bảo đảm việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống của cơ quan nhà nước. Từng bước triển khai dịch vụ công trực tuyến chủ động, cá thể hóa và tự động trên cơ sở khai thác dữ liệu và ứng dụng AI. Khuyến khích các nền tảng số, siêu ứng dụng, ứng dụng ngân hàng và trung gian thanh toán đủ điều kiện tham gia tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mở rộng kênh tiếp cận thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

c) Hoàn thiện thể chế về quản trị dữ liệu quốc gia, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, kho tri thức số, thị trường dữ liệu, sàn dữ liệu, nền tảng số dùng chung quốc gia. Xây dựng quy định về tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng, định giá, thương mại hóa dữ liệu; cơ chế kết nối dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư; cơ chế khai thác dữ liệu hành chính phục vụ thống kê, điều hành, dự báo và hoạch định chính sách, từng bước giảm phụ thuộc vào điều tra thủ công. Xây dựng cơ chế khai thác dữ liệu

phục vụ phát triển AI, bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

d) Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam. Ưu tiên sản phẩm, nền tảng, dịch vụ “Make in Viet Nam”; tạo thị trường ban đầu cho các sản phẩm công nghệ số phục vụ các bài toán lớn của quốc gia. Nghiên cứu gắn kết quả đánh giá chuyển đổi số và mức độ hoàn thành các mục tiêu với việc ưu tiên bố trí, phân bổ nguồn lực cho bộ, ngành, địa phương, bảo đảm phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan.

đ) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới; cho phép triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới.

2. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số trở thành hạ tầng thiết yếu, hạ tầng chiến lược của quốc gia; là nền tảng cho dữ liệu số, AI, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số. Hạ tầng số phải được quy hoạch, đầu tư, quản lý đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, có khả năng mở rộng, kết nối liên thông và đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

a) Ưu tiên phát triển hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao, hạ tầng 5G và các thế hệ mạng di động tiếp theo; hạ tầng Internet vạn vật, điện toán đám mây, điện toán biên, trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ AI và các nền tảng kết nối số quy mô lớn. Phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông mặt đất và hạ tầng vệ tinh, bảo đảm kết nối số an toàn, liên tục trên phạm vi toàn quốc, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy nhanh phổ cập hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến hộ gia đình, mở rộng khả năng tiếp cận hạ tầng số tại các khu vực khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách số. Bảo đảm hạ tầng số có năng lực chống chịu trước rủi ro an ninh mạng, thiên tai, khủng hoảng, gián đoạn chuỗi cung ứng và các thách thức an ninh phi truyền thống.

b) Phát triển hạ tầng số dùng chung của khu vực công theo hướng thống nhất, hiện đại, linh hoạt, an toàn, bảo mật và có khả năng mở rộng từ Trung ương đến địa phương. Tập trung hoàn thiện hạ tầng định danh số, xác thực số, chữ ký số, thanh toán số, địa chỉ số, bản đồ số, hạ tầng tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu; hạ tầng giám sát, đo lường, cảnh báo và điều hành số phục vụ

quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Phát triển hạ tầng định danh và xác thực cho thiết bị, hệ thống và các tác nhân AI, đáp ứng yêu cầu phát triển Internet vạn vật và các mô hình ứng dụng số thế hệ mới.

c) Phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành hạ tầng dữ liệu trọng yếu của đất nước; từng bước hình thành mạng lưới trung tâm dữ liệu vùng, ngành và địa phương, đồng thời phát huy vai trò của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI đầu tư, vận hành theo chuẩn thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh và chủ quyền dữ liệu và khả năng kết nối, chia sẻ, dùng chung. Mạng lưới này được phát triển theo hướng kết nối, dùng chung, tối ưu hóa đầu tư và phù hợp với lộ trình dịch chuyển dữ liệu, ứng dụng lên Trung tâm dữ liệu quốc gia. Phát triển hạ tầng điện toán đám mây theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có năng lực dự phòng và phục hồi sau sự cố. Bảo đảm hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu lớn, triển khai AI, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, điều hành dựa trên dữ liệu và cung cấp các dịch vụ số thiết yếu. Hình thành hạ tầng dữ liệu dùng chung thống nhất trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng xuyên suốt trong toàn hệ thống chính trị.

d) Tập trung phát triển hạ tầng tính toán, hạ tầng AI quốc gia và dữ liệu phục vụ phát triển AI; hình thành các trung tâm tính toán hiệu năng cao, trung tâm AI, hạ tầng tính toán chuyên dụng, kho dữ liệu và các nền tảng AI dùng chung. Ưu tiên làm chủ các công nghệ lõi về AI và hạ tầng AI; công cụ phát triển, huấn luyện, tinh chỉnh, đánh giá và triển khai mô hình AI; xây dựng năng lực tự chủ trong thiết kế, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh và khai thác hạ tầng AI quốc gia. Bảo đảm năng lực thu thập, chuẩn hóa, quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu chất lượng cao phục vụ phát triển AI; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu AI tin cậy, có khả năng liên thông, tái sử dụng và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu. Từng bước hình thành năng lực quốc gia về huấn luyện, triển khai và khai thác các mô hình AI quy mô lớn phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số.

đ) Huy động hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, nhất là trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng tính toán chuyên dụng, kết nối quốc tế, cáp quang, hạ tầng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng thanh toán số và hạ tầng chữ ký số; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

3. Phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung

Xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, nền tảng vận hành của chính phủ số, động lực của kinh tế số, nguồn lực phát triển xã hội số. Thiết lập phương

thức quản trị dữ liệu quốc gia thống nhất theo nguyên tắc dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, được bảo vệ an toàn và khai thác hiệu quả.

a) Tập trung xây dựng, phát triển, hoàn thiện, kết nối liên thông và chia sẻ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa phương; hình thành cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên các dữ liệu nền tảng về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, giao thông, tài nguyên và môi trường.

b) Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chia sẻ, tái sử dụng theo quy định để đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

c) Tiếp tục phát triển các nền tảng số dùng chung quốc gia có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng định danh và xác thực; nền tảng thanh toán số; nền tảng bản đồ số; nền tảng điều hành, báo cáo, giám sát; nền tảng trợ lý số và AI dùng chung; nền tảng dữ liệu mở; nền tảng phục vụ y tế số, giáo dục số, thương mại số, logistics số, nông nghiệp số, du lịch số, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm.

d) Thúc đẩy mở dữ liệu của cơ quan nhà nước bảo đảm chất lượng, khả năng khai thác, sử dụng và tái sử dụng. Ưu tiên các bộ dữ liệu có giá trị cao phục vụ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp, thương mại điện tử, dịch vụ số, thống kê, dự báo và giải quyết các vấn đề xã hội. Phát triển thị trường dữ liệu, sản phẩm dữ liệu và dịch vụ dữ liệu theo lộ trình phù hợp; phấn đấu hình thành các sản phẩm dữ liệu an toàn, tuân thủ pháp luật, tạo nền tảng cho kinh tế dữ liệu và kinh tế số phát triển.

đ) Bảo đảm mọi hoạt động phát triển dữ liệu và nền tảng số gắn với tự chủ công nghệ, bảo đảm chủ quyền dữ liệu, chủ quyền số, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

4. Phát triển nhân lực số

Phát triển nhân lực số là nhiệm vụ then chốt để chuyển đổi số thành công, cần có các cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ phát triển nhân lực số toàn diện, gồm nhân lực công nghệ số, nhân lực quản trị chuyển đổi số, lực lượng

lao động có kỹ năng số, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp có năng lực tham gia an toàn, hiệu quả vào môi trường số.

a) Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ xây dựng chính sách, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng, tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn chuyển đổi số ở cơ sở.

b) Ưu tiên phát triển năng lực lãnh đạo số, quản trị số và ra quyết định dựa trên dữ liệu; bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số thường xuyên cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong cơ quan nhà nước.

c) Đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển tư duy số, AI, tư duy dữ liệu, năng lực sử dụng công nghệ, an toàn thông tin, sáng tạo và thích ứng với thay đổi công nghệ. Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, dữ liệu, an toàn thông tin, điện toán đám mây, AI, nền tảng số và quản trị dữ liệu.

d) Tăng cường đào tạo các ngành STEM, giáo dục nghề nghiệp số, đào tạo lại và đào tạo thường xuyên cho người lao động; thúc đẩy liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường và các chương trình, dự án chuyển đổi số.

đ) Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn số, giao dịch số, thanh toán số, chữ ký số, định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số; phát triển các nền tảng hỗ trợ học tập suốt đời, kết nối đào tạo, việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực.

e) Thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các nhóm yếu thế.

g) Thu hút, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số

Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt tiếp thu, làm chủ, phát triển và ứng dụng công nghệ số, giải quyết các bài toán lớn của chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm tự chủ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Doanh nghiệp công nghệ số phải là lực lượng chủ lực trong phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số và đưa công nghệ số vào mọi ngành, lĩnh vực, địa bàn.

a) Ưu tiên hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số “Make in Viet Nam” có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, với nòng cốt là các doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, điện toán đám mây, bán dẫn, phần mềm, nội dung số và cung cấp giải pháp chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

b) Phát huy vai trò của Nhà nước là thị trường lớn và khách hàng quan trọng của doanh nghiệp công nghệ số. Nhà nước tạo không gian thử nghiệm và thị trường ban đầu cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và ưu tiên ứng dụng trong các bài toán lớn của quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, an toàn thông tin mạng, y tế số, giáo dục số, thanh toán số và quản trị số.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật, thương mại hóa và mở rộng thị trường. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao và các bộ, ngành, địa phương để hình thành chuỗi giá trị công nghệ số trong nước, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm, dịch vụ số.

d) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số doanh nghiệp trong toàn nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của Việt Nam. Triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số quy mô lớn, thiết thực, dễ tiếp cận; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, AI, thương mại điện tử, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số và các giải pháp quản trị số trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại điện tử, kinh tế nền tảng, kinh tế dữ liệu và các mô hình kinh doanh số mới; giúp doanh nghiệp đổi mới mô hình quản trị, mô hình kinh doanh, nâng cao năng suất, giảm chi phí, mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị số, góp phần nâng cao tỷ trọng kinh tế số trong GDP.

đ) Ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin mạng, bán dẫn, chuỗi khối, Internet vạn vật, robot, tự động hóa, thực tế mở rộng, công nghệ lượng tử và các công nghệ số mới nổi. Khuyến khích doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chuyển đổi số theo hướng chủ động, thực chất, có chọn lọc, gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc, yêu cầu bảo đảm chủ quyền

số. Hợp tác quốc tế phải phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao thứ hạng của Việt Nam về chính phủ điện tử, chính phủ số; mở rộng thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và tăng cường vị thế của Việt Nam trong không gian số toàn cầu.

a) Chủ động tham gia xây dựng, định hình và thực thi các nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, khuôn khổ hợp tác quốc tế về mạng di động 5G/6G, quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, định danh số, chữ ký số, thanh toán số, thương mại số, dịch vụ số, luồng dữ liệu xuyên biên giới, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị nền tảng số và kinh tế số. Nâng cao vai trò của Việt Nam trong các diễn đàn, sáng kiến, mạng lưới khu vực và toàn cầu về chuyển đổi số.

b) Mở rộng hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu trên thế giới để tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển hạ tầng chuyển đổi số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao.

c) Ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi và công nghệ mới nổi; đồng thời bảo đảm nguyên tắc không phụ thuộc công nghệ, không lệ thuộc nền tảng, kiểm soát được các rủi ro về dữ liệu, an ninh mạng, chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn kỹ thuật và chủ quyền số. Hợp tác quốc tế phải đi đôi với nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ của Việt Nam.

d) Phát huy vai trò của hợp tác quốc tế trong xử lý các vấn đề xuyên biên giới như an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu, phòng chống thông tin xấu độc, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và bảo đảm quyền lợi người dân, doanh nghiệp Việt Nam trong không gian số. Gắn hợp tác quốc tế về chuyển đổi số với ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò chủ đạo; nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược do cơ quan nhà nước chủ trì.

3. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện

a) Việc tổ chức thực hiện Chiến lược phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phát huy vai trò chủ trì của cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc triển khai phải gắn kết chặt chẽ giữa hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nguồn nhân lực số, doanh nghiệp công nghệ số.

b) Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số được giao; định kỳ kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chiến lược.

c) Các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược được phân công theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan; bảo đảm mỗi việc có đầu mỗi chủ trì rõ ràng theo nguyên tắc 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền và tổ chức thực hiện hiệu quả gắn với kiểm tra, giám sát, đồng thời xác định đầy đủ cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, tránh chồng chéo, phân tán, bỏ trống trách nhiệm hoặc giao việc vượt thẩm quyền pháp lý.

d) Thường xuyên tổ chức thống kê, đo lường, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, thực hiện trên nền tảng số dựa trên cơ sở dữ liệu bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời; lấy kết quả thực hiện và mức độ chuyển đổi số làm căn cứ để xếp hạng, khen thưởng, điều chỉnh nhiệm vụ, chính sách và ưu tiên bố trí nguồn lực. Kết quả đánh giá phải được công khai, minh bạch, phục vụ chỉ đạo, điều hành và nâng cao trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong triển khai chuyển đổi số.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình chuyển đổi số quốc gia phù hợp với Chiến lược theo quy định của Luật Chuyển đổi số.

c) Chủ trì điều phối liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chiến lược; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan trung ương, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan.

d) Chủ trì xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.

đ) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh phiên bản mới, phù hợp với Chiến lược và thông lệ quốc tế; thực hiện đánh giá chuyển đổi số quốc gia và công bố công khai kết quả đánh giá định kỳ hằng năm làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chiến lược, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét biểu dương, khen thưởng hoặc đề xuất biện pháp chấn chỉnh đối với các cơ quan, tổ chức có kết quả thực hiện chưa đạt yêu cầu, tạo động lực thi đua chuyển đổi số.

e) Hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

g) Chủ trì tổ chức nghiên cứu, khảo sát, xây dựng, đề xuất, công bố các mô hình chuyển đổi số mới, mô hình tham chiếu phục vụ chuyển đổi số; xuất bản tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về chuyển đổi số tại các quốc gia phát triển.

h) Chủ trì xây dựng các giải pháp hỗ trợ công tác quản lý, giám sát thực thi trong hoạt động chuyển đổi số.

k) Chủ trì tổ chức truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số phục vụ thực hiện Chiến lược; xây dựng, tổ chức các sự kiện, giải thưởng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số.

l) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất và kiến nghị tại Tờ trình số 112/TTr-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Văn bản số 4660/BKHCN-CĐSQG ngày 29 tháng 6 năm 2026.

3. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Chủ trì hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến dữ liệu, cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tội phạm công nghệ cao và các nguy cơ phát sinh trên môi trường số.

c) Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào chương trình, kế hoạch, đề án của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Chiến lược bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Chiến lược; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình thực hiện.

d) Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện Chiến lược; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa.

đ) Kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, điều chỉnh Chiến lược và triển khai các nhiệm vụ liên ngành, liên vùng.

e) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược trong phạm vi quản lý; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược.

5. Các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước chủ chốt có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số chủ động nghiên cứu, cập nhật xu hướng công nghệ số mới; tham gia góp ý, đề xuất cơ chế, chính

sách, giải pháp chuyển đổi số; phối hợp với cơ quan nhà nước trong ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao, làm chủ công nghệ số tại Việt Nam.

c) Chủ động đầu tư, nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng các công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ mới nổi; phát huy vai trò dẫn dắt của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước chủ chốt trong hình thành hệ sinh thái và chuỗi giá trị công nghệ số trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng, phát triển, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam.

6. Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Chủ động tham gia thực hiện Chiến lược thông qua đầu tư, nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, giải pháp số và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược; tham gia góp ý, phản biện, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược.

c) Tham gia truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phổ cập tri thức số, hỗ trợ cộng đồng, người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

3. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đang triển khai theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 tiếp tục được thực hiện cho đến khi hoàn thành hoặc được điều chỉnh, tích hợp theo Quyết định này. Các

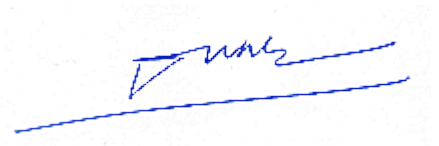
cơ quan có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp, bảo đảm thống nhất với Quyết định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CDS (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng

